

Bản án số: 62/2019/HS - ST
Ngày: 29 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Phó bí thư huyện đoàn Xuân Trường.

Ông Phạm Ngọc Dụ - Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/TLST - HS ngày 08 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Minh H, sinh ngày 28/5/2001, nơi sinh: xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Duy B (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- Người đại diện pháp cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977, nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định - Là mẹ đẻ của bị cáo; “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Ng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị hại: Anh Mai Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

2. Anh Đỗ Mạnh Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phan Văn H, sinh ngày 09/7/2001, nơi cư trú: Xóm 4, xã , huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

2. Anh Ngô Quang Nh, sinh ngày 26/4/2003, nơi cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

3. Chị Lương Thị L, sinh năm 1976, nơi cư trú: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

4. Bà Mai Thị Ph, sinh năm 1948; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2017, chị Mai Thị Ng, cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS:18F1 - 261.67 của Công ty TNHH kinh doanh và dịch vụ Anh Khang có địa chỉ tại khu vực tổ 18, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định, sau đó đến ngày 22/10/2018, Ng mang xe đến nhà Nguyễn Thị M ở xóm 8, xã X thế chấp lấy 30.000.000đ. Việc này có Lương Thị L ở xóm 5, xã X, huyện X chứng kiến. Sau khi Ng thế chấp, Vũ Đức Th là nhân viên Công ty Anh Khang biết chiếc xe mô tô BKS:18F1 - 261.67 đã giao cho M nên chiều ngày 23/4/2019, Th đã mang giấy cho thuê xe đến đề nghị M giao lại xe trên cho Công ty Anh Khang nhưng M không nhất trí và nhờ Th đi tìm, yêu cầu Ng trả tiền thì M sẽ giao lại xe. Th rủ Ngô Quang Nh, sinh ngày 26/4/2003, trú tại: xóm 1, xã X đi cùng và không nói đi đâu, làm gì. Nh rủ thêm bạn là Trần Minh H, sinh ngày 28/5/2001, trú tại: xóm 8, xã X và Phan Văn H, sinh ngày 09/7/2001, trú tại: xóm 4, xã X đi tìm Ng cùng Th nhưng không thấy nên đi về. Khoảng 08 giờ ngày 24/4/2019, Th, H, Nh, H đi 02 xe mô tô đến nhà M. Khi đi Nh điều khiển xe mô tô BKS:18F1 - 6577 chở thành, H điều khiển xe mô tô BKS:29X3 - 01170 chở H. Trong khoảng thời gian này, M gọi điện thoại yêu cầu L phải có trách nhiệm tìm Ng để trả tiền nên L đến nhà tìm Ng nhưng anh Mai Văn T là chồng Ng đã đi tìm, nhà đóng cửa, L sang hỏi bà Mai Thị Ph là mẹ chồng Ng nhà gần đó xem Ng đi đâu, bà Ph bảo vào nhà mà tìm nên L trèo qua cửa hông đi lối sau vào nhà tìm Ng nhưng không thấy, L mở cửa chính nhà Ng ra và điện cho M nói “Ng không có nhà, đi tìm T nói chuyện nếu T nhất trí thì lấy bộ bàn ghế để trừ nợ” rồi L sang nhà bà Ph ngồi.

Th, H, Nh, H, đến nhà M. Th vào nhà nói chuyện với M, còn H, Nh, H đứng ngoài chờ. M nói với Th về nội dung cuộc điện thoại L vừa gọi và nhờ Th đi tìm anh T để nói chuyện bán bộ bàn ghế, Th trả lời “Kê các bà, tôi không phải đòi nợ thuê” rồi Th rủ H, Nh, H, đến nhà tìm Ng để nói chuyện về chiếc xe mô tô BKS: 18F1 - 261.67. Đến nơi thấy cửa nhà Ng mở, Th sang hỏi bà Ph, bà Ph nói không biết việc Ng thuê xe, nợ tiền như thế nào và hiện nay Ng đi đâu, rồi bà Ph đi vào trong nhà, Th tiếp tục sang nhà N, vào trong nhà Th phát hiện ở phòng khách có chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màu đen trên kệ cạnh tường nên nảy sinh ý định lấy chiếc ti vi về đưa cho M để M giao xe. Th gọi H vào nhà bảo H tháo ti vi, lúc này Nh, H đứng ở ngoài và không biết Th gọi H vào với mục đích gì. Th và H tháo được ti vi, Th ôm ti vi ra ngoài đường bảo Nh chở về nhà M. Về đến nhà M, Th tiếp tục yêu cầu giao xe nhưng M không đồng ý, sau đó cả nhóm đi về.

Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, anh Mai Văn T về nhà phát hiện bị mất ti vi nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường, nhận được đơn trình báo của anh T, Cơ quan điều tra đã xác minh, thu giữ tại nhà M 01 ti vi LG 49 inch màu đen và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS:18F1 - 261.67, thu của Ngô Quang Nh chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS:18F4 - 6577, thu của Đỗ Mạnh Th là giám đốc Công ty Anh Khang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS:29X3 - 011.70.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL - HĐĐG ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường đã kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 inch đến thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 6.000.000đ.

Trong quá trình điều tra, Vũ Đức Th đã bỏ trốn khỏi địa phương và Cơ quan CSĐT đã ra lệnh truy nã.

Sau khi thu giữ được chiếc ti vi, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lại chiếc ti vi này cho anh Mai Văn T, anh Mai Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Trần Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đánh giá về hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 6 - 8 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Khi bị cáo phạm tội là người chưa thành niên, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX:

Trả lại chiếc xe mô tô BKS:18F1 - 261.67 cho chị Nguyễn Thị M cũng như chiếc xe mô tô BKS:29X3 - 011.70 cho anh Đỗ Mạnh Th.

Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh H mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường truy tố ra phiên tòa ngày hôm nay theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H cũng cân nhắc là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, non nớt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, diện hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội cải tạo và sớm hòa nhập cộng đồng xã hội.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với lời bào chữa và không bổ sung gì.

Trong lời nói sau cùng bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như kết quả định

giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 24/4/2019, tại gia đình anh Mai Văn T thuộc xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Vũ Đức Th và Trần Minh H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 ti vi nhãn hiệu LG 49 inch màu đen trị giá 6.000.000đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo H đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, ngang nhiên giữa ban ngày chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội. Khi xét xử bị cáo đã là người thành niên; Tuy nhiên, khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi cũng như bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu nên HĐXX áp dụng chính sách hình sự theo quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Mai Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên HĐXX không xem xét điều chỉnh là phù hợp.

[8] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với chiếc xe mô tô BKS:18F4 - 6577 thu của Ngô Quang Nh thuộc sở hữu của ông Ngô Văn Tr là bố đẻ của Nhật, xét thấy ông Tr không biết việc Nhật sử dụng xe đi cùng Th nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Tr là phù hợp.

Đối với chiếc mô tô BKS:18F1 - 261.67 thân xe màu đỏ, đen ghi chữ Vision thu của chị Nguyễn Thị M cũng như chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream

BKS:29X3 - 011.70 thu của anh Đỗ Mạnh Th là giám đốc công ty Anh Khang. Xét hai chiếc xe mô tô này không liên quan đến vụ án nên HĐXX sẽ trả lại cho chị M cũng như cho anh Th là phù hợp.

[9] Trong quá trình điều tra, Vũ Đức Th đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 30/7/2019, Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã. Khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Trong vụ án này, Phan Anh H và Ngô Quang Nh đi cùng Th đến nhà anh T tìm Ng, nhưng H, Nh đứng ngoài, không biết nội dung các cuộc trao đổi giữa Th với M, bà Ph, L và H. Khi Th, H lấy ti vi nhà anh T mang ra ngoài thì Nh có hành vi chở Th mang ti vi đến nhà M. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xảy ra vụ việc Nh chưa đủ 16 tuổi. Ngoài ra quá trình điều tra Nguyễn Thị M không yêu cầu Th lấy ti vi để trừ nợ, sau khi vụ việc xảy ra M đã tự giác giao nộp lại tài sản nên Cơ quan điều tra đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm với H, Nh, M là phù hợp.

Đối với Mai Thị Ng có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng hiện Ng không có mặt tại địa phương, Công ty Anh Khang chưa có đề nghị, nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Minh H bị kết án nhưng gia đình bị cáo là thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của xã X nên HĐXX miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 04 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS:18F1 - 261.67 cho chị Nguyễn Thị M cũng như 01 chiếc xe mô tô BKS:29X3 - 011.70 cho anh Đỗ Mạnh Th.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 06/CCTHA ngày 21/10/2019 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Căn cứ vào: Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Minh H.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Mai Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chị Nguyễn Thị M, anh Đỗ Mạnh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCL&NVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Ngọc Long

